**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | CHĂM SÓC THAI PHỤ CHUYỂN DẠ VÀ SINH THƯỜNG |
| * Mã môn học:
 | 61073077 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản☑ Kiến thức chuyên ngành☐ Môn học chuyên về kỹ năng | ☐ Kiến thức cơ sở ngành☐ Kiến thức khác☐ Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ:
 | 3 tín chỉ (2 lý thuyết + 1 thực hành) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 30 tiết lý thuyết (8 buổi) |
| + Số giờ thực hành | 40 giờ (10 buổi) |
| * Môn học tiên quyết:
 | Không |
| * Môn học song hành:
 | Không |

1. **Mô tả môn học:**

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học giúp cho sinh viên có kiến thức về chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh trong chuyển dạ sinh thường; Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho người học những kỹ năng thực hành chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ trong chuyển dạ sinh thường.

1. **Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Bộ môn Phụ sản (2019). *Sản phụ khoa ebook.* Đại học Y dược TP HCM

[2] Bộ môn Hộ Sinh (2018). *Quy Trình Thực Hành Đào Tạo Hộ Sinh*. Đại học Y dược TP HCM: Nhà xuất bản Y học.

***Tài liệu khác:***

[1] Bộ Y tế (2017). *Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản* ebook.

[2] Bộ Y tế (2014). *Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam.*

[3] Bộ Y tế (2017). Oxford Handbook of Midwifery -Ebook.

1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Mô tả và nhận định đúng các dấu hiệu sinh lý bình thường trong chuyển dạ | C1 |
| MT2 | Trình bày và thực hiện được các công việc của người hộ sinh khi theo dõi chăm sóc bà mẹ chuyển dạ sinh thường. | C1, C2 |
| MT3 | Biết cách lập kế hoạch chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong chuyển dạ sinh thường. | C1, C2, C3 |
| MT4 | Thực hiện khám và các qui trình kỹ thuật chuyên ngành: đỡ đẻ ngôi chỏm, đỡ nhau, kiểm tra nhau… thành thạo trên mô hình. | C1, C2 |
| MT5 | Phân tích được cách chăm sóc thiết yếu cho mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ an toàn. | C1, C2 |
| MT6 | Sử dụng được biểu đồ chuyển dạ theo dõi tiến trình chuyển dạ. | C1, C2 |
| MT7 | Tư vấn có hiệu quả cho sản phụ và thân nhân trong khi chuyển dạ. | C1, C2, C4 |
| MT8 | * Hiểu và có thái độ thông cảm ân cần, tác phong nhanh nhẹn chính xác trong quá trình theo dõi chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ sinh thường.
* Thể hiện thái độ nghiêm túc và bảo đảm nguyên tắc vô trùng trong khi làm thủ thuật.
 | C1, C2, C9 |

1. **Đánh giá môn học**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học**  | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Bài kiểm tra  | MT1, 2, 3 | 30% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Bài thực hành kỹ thuật trên mô hình |  MT4, 5, 6, 7,8 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Bài thi cuối môn | MT1-8 | 70% |

**TEST BLUEPRINT – ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ (Phần Lý Thuyết)**

| **Mục****Tiêu** | **Tỉ lệ %****Số điểm** | **Nhớ** | **Hiểu** | **Áp dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **MT1** | 20% | 2 | 10% | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT2** | 20% | 2 | 10% | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT3** | 20% | 2 | 10% | 1 | 0 | 0 | 10% | 1 |
| **MT5** | 20% | 2 | 10% | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT6** | 20% | 2 | 0 | 0 | 10% | 1 | 10% | 1 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **10** | **30%** | **3** | **30%** | **3** | **40%** | **4** |

1. **Nội dung và phương pháp giảng dạy**
* **Nội dung giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1 Sinh lý và lâm sàng chuyển dạ | 4 | 8 | MT1, MT2, MT6 | A1, A3 |
| 2. Theo dõi chuyển dạ. | 4 | 8 | MT1, 2,3, 6 | A1, A3 |
| 3 Ngôi thế, kiểu thế, độ lọt.  | 4 | 8 | MT1, 2, 4 | A1, A3 |
| 4 Đo bề cao tử cung, nắn bụng, nghe tim thai, khám khung chậu. | 4 | 8 | MT2, 4 | A1, A3 |
| 5 Rửa âm hộ. | 2 | 4 | MT2, 4 | A1, A3 |
| 6 Cơ chế đẻ, cơ chế đẻ ngôi chỏm. | 4 | 8 | MT4 | A1, A3 |
| 7 Bấm ối | 2 | 4 | MT2 | A1, A3 |
| 8. Đỡ đẻ thường | 2 | 4 | MT4, MT5 | A1, A3 |
| 9.Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ. | 2 | 4 | MT2, 3, 4, 5 | A1, A3 |
| 10 Đỡ và kiểm tra nhau | 2 | 4 | MT2, 3, 4, 5 | A1, A3 |
| **Tổng cộng** | **30** | **60** |  |  |

**Thực hành**

| **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1 Thực hành khám xác định ngôi thế, kiểu thế, độ lọt. | 4 | 8 | MT4, MT8 | A2 |
| 2 Thực hành đo bề cao tử cung, nắn bụng, nghe tim thai. | 4 | 8 | MT4, MT8 | A2 |
| 3 Thực hành khám khung chậu | 3 | 6 | MT4, MT8 | A2 |
| 4 Thực hành chuẩn bị cho một cuộc đẻ. | 3 | 6 | MT4, MT8 | A2 |
| 5 Thực hành rửa âm hộ. | 4 | 8 | MT4, MT8 | A2 |
| 6 Thực hành bấm ối. | 2 | 4 | MT4, MT8 | A2 |
| 7 Thực hành đỡ đẻ thường, | 8 | 16 | MT4, MT8 | A2 |
| 8 Thực hành chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ. | 8 | 16 | MT4, MT8 | A2  |
| 9. Thực hành đỡ và kiểm tra nhau | 4 | 8 | MT4 | A2, A3 |
| **Tổng cộng** | **40** | **80** |  |  |

* **Phương pháp và phương tiện giảng dạy**
* Thuyết trình, động não, chia theo cặp, nhóm, dựa trên vấn đề.
* Máy chiếu, tranh ảnh, mô hình, dụng cụ.

**6. Quy định của môn học**

Ngoài Qui chế 456/QĐ – ĐHYD và quyết định số 5152/QĐ - ĐHYD sinh viên phải:

* Phải tham dự đủ các buổi học thực hành mới được làm bài kiểm tra trên mô hình và bài thi cuối môn.
* Điểm tổng kết môn học = ((điểm (A1,A2)\* 30% +A3\* 70%)

Trong đó:

* A 1: Điểm kiểm tra thường xuyên
* A 2: Điểm kiểm tra giữa kỳ là phần thi trên mô hình. (A1+A2)=30%
* A 3: Điểm thi cuối môn, trọng số 70%. Bài thi lý thuyết (trắc nghiệm)

**7. Phụ trách môn học**

* Khoa/ Bộ môn: Hộ sinh, Khoa Điều Dưỡng kỹ thuật y học.
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Q5 hoặc BM Hộ sinh lầu 3 khu KTX BV Từ Dũ.
* Điện thoại liên hệ: 02835000475

**LÝ THUYẾT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số tiết** | **Ngày** | **Giảng viên** |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1 Sinh lý và lâm sàng chuyển dạ | 4 | 8 |  | Ánh |
| 2. Theo dõi chuyển dạ. | 4 | 8 |  | Ánh |
| 3 Ngôi thế, kiểu thế, độ lọt.  | 4 | 8 |  | Hoàn |
| 4 Đo bề cao tử cung, nắn bụng, nghe tim thai, khám khung chậu. | 4 | 8 |  | Hoàn |
| 5 Rửa âm hộ. | 2 | 4 |  | Hoàn |
| 6 Cơ chế đẻ, cơ chế đẻ ngôi chỏm. | 4 | 8 |  | Ánh |
| 7 Bấm ối | 2 | 4 |  | Hoàn |
| 8. Đỡ đẻ thường | 2 | 4 |  | Ánh |
| 9.Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ. | 2 | 4 |  | Ánh |
| 10 Đỡ và kiểm tra nhau | 2 | 4 |  | Hoàn |
| **Tổng cộng** | **30** | **60** |  |  |

**THỰC HÀNH**

| **Nội dung** | **Số tiết** | **Ngày** | **Giảng viên** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1 Thực hành khám xác định ngôi thế, kiểu thế, độ lọt. | 4 | 8 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 2 Thực hành đo bề cao tử cung, nắn bụng, nghe tim thai. | 4 | 8 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 3 Thực hành khám khung chậu | 3 | 6 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 4 Thực hành chuẩn bị cho một cuộc đẻ. | 3 | 6 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 5 Thực hành rửa âm hộ. | 4 | 8 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 6 Thực hành bấm ối. | 2 | 4 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 7 Thực hành đỡ đẻ thường, | 8 | 16 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 8 Thực hành chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ. | 8 | 16 |  | Ánh Hoàn Lý |
| 9. Thực hành đỡ và kiểm tra nhau | 4 | 8 |  | Ánh Hoàn Lý |
| **Tổng cộng** | **40** | **80** |  |  |

**Lý thuyết** **Thực hành** 40g Ánh + Hoàn + Lý

Ánh 16

Hoàn 14